

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 367/2026/DS-PT
Ngày 15 - 5 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố
quyền sử dụng đất và tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn A Đam

Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2026/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất và tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2026/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 255/2026/QĐ-PT ngày 24 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1968; số CCCD 096068004350, cấp ngày 08/7/2022 (có mặt).

2. Bà **Võ Kim C**, sinh năm 1968; số CCCD 096168004327, cấp ngày 10/5/2021.

Cùng địa chỉ cư trú: **Ấp K, xã T, tỉnh Cà Mau.**

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà **Võ Kim C**:* Anh **Trần Minh T**, sinh năm 1997; số CCCD 096097009851, cấp ngày 28/6/2021; địa chỉ cư trú: **Ấp K, xã T, tỉnh Cà Mau** (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 07/10/2025, có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Đặng Huỳnh Q**,

Luật sư của Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C; địa chỉ: Số A, đường N, phường L, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961; số CCCD 096156002907, cấp ngày 16/9/2021; địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị Giã Hồng N1, sinh năm 1985; số CCCD 096185009254, cấp ngày 17/3/2025; địa chỉ cư trú: Ấp R, xã T, tỉnh Cà Mau (Theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 22/10/2025, có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Giã Hồng N1, sinh năm 1985; số CCCD 096185009254, cấp ngày 17/3/2025; địa chỉ cư trú: Ấp R, xã T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Chị Giã Thị H, sinh năm 1982; số CCCD 096182013161, cấp ngày 11/8/2021; địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

3. Anh Mai Vũ M, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Ấp R, xã T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần Văn B và bà Võ Kim C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Văn B và bà Võ Kim C trình bày:

Nguyên đơn có nhận cổ của bà Nguyễn Thị N 10 công đất tầm lớn, giá 30 chỉ vàng 24k, thời hạn thỏa thuận, nguyên đơn cho bà N thuê lại đất giá 120 gia lúa khô/năm, mỗi vụ đóng 60 gia lúa, bà N có ký tại Tờ giao kèo cổ đất ngày 12/3/2017 ăl.

Thời hạn cổ đến nay đã 07 năm, gia đình gặp khó khăn, nhiều lần nguyên đơn yêu cầu bà N xuất vàng chuộc đất, nhưng bà N không trả vàng.

Nay, nguyên đơn yêu cầu tuyên bố vô hiệu Tờ giao kèo cổ đất ngày 12/3/2017 ăl, buộc bà N trả 30 chỉ vàng 24k.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N, người đại diện hợp pháp của bị đơn chị Giã Hồng N1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị N có hỏi vay của bà Võ Kim C 30 chỉ vàng 24k, để làm tin bà N ký tên Tờ giao kèo cổ đất ngày 12/3/2017 ăl. Số vàng này, bà N vay giùm cho con ruột bà N là chị Giã Hồng N1 20 chỉ vàng 24k và chị Giã Thị H 10 chỉ vàng 24k. Hàng năm, chị N1 và chị H đóng lãi đầy đủ cho bà C. Vợ chồng chị N1 ly hôn, Toà án làm việc với bà C thì bà C thừa nhận vợ chồng chị N1 hỏi vay riêng 10 chỉ vàng 24k, bà N hỏi vay bà C 20 chỉ vàng 24k. Sau đó, chị N1 và bà C thỏa thuận bà C đồng ý nhận chuyển nhượng của chị N1 01 nền nhà để trừ nợ.

Do đó, bà N không đồng ý việc bà C và ông B khởi kiện, vì tại Toà án bà C đồng ý nhận nợ từ chị N1 là 20 chỉ vàng 24k, đến nay chị H còn nợ bà C là 10 chỉ vàng 24k, hàng năm chị H có đóng lãi cho bà C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Giã Hồng N1 trình bày:

Ngày 12/3/2017 âm, chị N1 có nhờ mẹ ruột là bà Nguyễn Thị N hỏi giùm của bà Võ Kim C 20 chỉ vàng 24k, lãi đóng thời vụ, chị H 10 chỉ vàng 24k, đến nay chưa trả cho bà C.

Sau đó, chị N1 và anh Mai Vũ Minh ly H1, ngày 19/11/2024 bà C thừa nhận vợ chồng chị N1, anh M nợ bà C 30 chỉ vàng 24k, vợ chồng chị N1 hỏi riêng bà C 10 chỉ vàng 24k, bà N hỏi giùm 20 chỉ vàng 24k. Tại Biên bản làm việc ngày 19/11/2024 bà C thừa nhận chị N1 có nợ bà C số tiền 400 triệu đồng và 30 chỉ vàng 24k. Sau khi được Tòa án giải quyết ly hôn, chị N1 thỏa thuận với bà C là chị N1 chuyển nhượng cho bà C 01 nền nhà để trừ các khoản nợ, khi làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ để giá trị chuyển nhượng là 100 triệu đồng để đóng ít thuế.

Như vậy, chị N1 không còn nợ bà C, bà N không còn nợ bà C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Giã Thị H trình bày:

Ngày 12/3/2017 âm, chị H có nhờ mẹ ruột là bà Nguyễn Thị N hỏi giùm của bà Võ Kim C 10 chỉ vàng 24k, chị N1 20 chỉ vàng 24k, tổng cộng là 30 chỉ vàng 24k, lãi đóng thời vụ cho đến nay.

Vợ chồng chị N1 ly hôn, ngày 19/11/2024 bà C đồng ý nhận của vợ chồng chị N1 30 chỉ vàng 24k, trong đó vợ chồng N1 hỏi riêng bà C 10 chỉ vàng 24k, bà N hỏi giùm 20 chỉ vàng 24k. Tại Biên bản làm việc ngày 19/11/2024 bà C thừa nhận chị N1 có nợ bà C số tiền 400 triệu đồng và 30 chỉ vàng 24k. Sau khi được Tòa án giải quyết ly hôn, chị N1 có thỏa thuận với bà C là chị N1 chuyển nhượng cho bà C 01 nền nhà để trừ hết các khoản nợ, việc này là do nghe chị N1 và bà C kể lại.

Như vậy, đến nay chị H thừa nhận chị H còn thiếu bà C 10 chỉ vàng 24k, đồng ý trả cho bà C 10 chỉ vàng 24k.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mai Vũ M: Do anh M vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có ý kiến trình bày.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2026/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B và bà Võ Kim C.

Tuyên bố vô hiệu Tờ giao kèo cổ đất do bà Nguyễn Thị N ký ngày 12/3/2017 âm.

Buộc bà Nguyễn Thị N trả cho ông Trần Văn B và bà Võ Kim C 10 (Mười) chỉ vàng 24 (Hai mươi bốn) kara.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B và bà Võ Kim C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả cho ông Trần Văn B và bà Võ Kim C 20 (Hai mươi) chỉ vàng 24 (Hai mươi bốn) kara.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 09 tháng 02 năm 2026, nguyên đơn ông **Trần Văn B** và bà **Võ Kim C** kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà **N** trả cho ông **B**, bà **C** 30 chỉ vàng 24k.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông **Trần Văn B** và bà **Võ Kim C** giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông **Trần Văn B** và bà **Võ Kim C**, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 58/2026/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông **Trần Văn B**, bà **Võ Kim C** khởi kiện bị đơn bà **Nguyễn Thị N** yêu cầu tuyên bố vô hiệu Tờ giao kèo cổ đất ngày 12/3/2017 âl, buộc bà **N** trả 30 chỉ vàng 24k; bà **N** cư trú tại **xã K, tỉnh Cà Mau** nên Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau thụ lý, giải quyết “Tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất và tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng quan hệ tranh chấp và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện bị đơn tuyên bố vô hiệu Tờ giao kèo cổ đất ngày 12/3/2017 âl: Tại bản án dân sự sơ thẩm số 58/2026/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau đã quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Văn B**, bà **Võ Kim C** về việc tuyên bố vô hiệu Tờ giao kèo cổ đất do bà **Nguyễn Thị N** ký ngày 12/3/2017 âl. Sau khi xét xử sơ thẩm tất cả các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với nội dung này nên nội dung này đã có hiệu lực, cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[2.2] Đối với giao dịch vay tài sản: Giữa ông **Trần Văn B**, bà **Võ Kim C** với

bà Nguyễn Thị N có giao dịch vay 30 chỉ vàng 24k, giao dịch vay không lập thành hợp đồng vay nhưng bà Nguyễn Thị N có ký Tờ giao kèo cổ đất ngày 12/3/2017 ăl với nội dung bà N có cổ đất cho vợ chồng bà Võ Kim C 10 công đất bằng 30 chỉ vàng 24k nhằm mục đích làm tin. Đây là các tình tiết, sự kiện được các bên đương sự thống nhất thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Xét thấy, các đương sự đều thống nhất giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông B, bà C với bà N thực tế để che dấu quan hệ vay tài sản, bà N thừa nhận vay của ông B, bà C 30 chỉ vàng 24k. Ông B, bà C khẳng định giao dịch vay chỉ là thỏa thuận giữa ông B, bà C với bà N, không liên quan đến người thứ ba; còn bà N cho rằng bà chỉ vay dùm cho 02 người con là Giã Hồng N1 20 chỉ vàng 24k và Giã Thị H 10 chỉ vàng 24k. Hội đồng xét xử xét thấy, bà N vay vàng của ông B, bà C là có xảy ra trên thực tế, có văn bản ghi nhận sự việc (Tờ giao kèo cổ đất do bà Nguyễn Thị N ký ngày 12/3/2017 ăl) nên căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự thì bà N là người có nghĩa vụ trả nợ. Bà N cho rằng bà đã giao cho các con là chị N1 20 chỉ vàng 24k và chị H 10 chỉ vàng 24k nên nay bà không đồng ý trả nợ cho ông B, bà C là không phù hợp quy định pháp luật. Nếu bà N muốn chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho người thứ 3 (các con của bà) thì phải được sự đồng ý của người cho vay là ông B, bà C, tuy nhiên, ông B bà C không thừa nhận việc bà N vay dùm cho chị N1, chị H và không đồng ý chuyển giao nghĩa vụ thanh toán số vàng vay từ bà N sang chị N1 và chị H. Do đó, cấp sơ thẩm nhận định việc bà N vay vàng dùm cho các con và không buộc bà N có nghĩa vụ thanh toán tổng số vàng vay 30 chỉ vàng 24k cho ông B, bà C là không phù hợp quy định pháp luật.

[2.4] Mặt khác, chị N1 cho rằng bà N có vay dùm chị 20 chỉ vàng 24k của ông B, bà C và đây là số nợ trong tổng số nợ 400.000.000đ và 30 chỉ vàng 24k khi giải quyết vụ án ly hôn giữa chị và chồng là anh Mai Vũ M, chị đã chuyển nhượng cho ông B, bà C (Do anh T con của bà C đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) diện tích đất 594,0m² thửa đất số 169, tờ bản đồ số 29, phần đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau để trừ toàn bộ số nợ trên. Chị N1 còn cung cấp 01 số nhân chứng như ông Phan Minh Ú, bà Hồ Thị G là những người có chứng kiến việc cự cãi giữa chị N1 với bà C về việc không giao trả giấy vay vàng. Xét thấy, như đã nhận định tại mục [2.3] bà N trực tiếp ký văn bản thể hiện tổng số vàng đã nhận của ông B, bà C là 30 chỉ vàng 24k, bà N là người trực tiếp nhận vàng. Người cho vay là ông B, bà C không thừa nhận có giao dịch với chị N1, chị H; chị N1, chị H không cung cấp được bất cứ văn bản nào thể hiện có giao dịch liên quan đến số vàng bà C, ông B đã giao cho bà N. Những nhân chứng chỉ chứng kiến việc chị N1 cự cãi với bà C, không trực tiếp chứng kiến sự việc bà C, ông B giao vàng cho bà N vay và bà N đưa vàng cho chị N1, chị H có sự đồng ý của bà C, ông B. Do đó, lời khai các nhân chứng không có giá trị chứng minh nghĩa vụ trả nợ của bà N được chuyển giao cho chị N1, chị H và các lời khai nhân chứng cũng không có giá

trị chứng minh sự việc chị N1 bán đất cho bà C (anh T) có liên quan đến số vàng bà N vay của bà C, ông B.

[2.5] Như đã nhận định trên, đủ căn cứ chứng minh bà N đã nhận số vàng vay của bà C, ông B 30 chỉ vàng 24k nên bà N có nghĩa vụ phải thanh toán toàn bộ số vàng đã vay theo đúng quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Việc bà N có cho các con vay thì giữa bà N và các con tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được và xảy ra tranh chấp thì khởi kiện ở vụ án khác.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông B, bà C yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, như đã nhận định tại các mục [2.2] đến [2.5] của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, toàn diện, cho rằng bà N vay vàng dùm cho các con và chị N1 đã trừ số vàng thiếu nợ vào việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà C (anh T) là không có căn cứ. Do đó, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông B, bà C, buộc bà N phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số vàng vay 30 chỉ vàng 24k cho ông B, bà C là phù hợp.

[4] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông B, bà C, buộc bà N phải thanh toán toàn bộ khoản vay 30 chỉ vàng 24k cho ông B, bà C, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 58/2026/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau, như đã phân tích trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí:

[6.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí, nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí được hoàn lại toàn bộ. Tuy nhiên, do bà N là người cao tuổi nên miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà N.

[6.2] Án phí phúc thẩm: Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông B, bà C không phải chịu án phí phúc thẩm, đã dự nộp án phí phúc thẩm được hoàn lại toàn bộ theo quy định.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông **Trần Văn B**, bà **Võ Kim C**; sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 58/2026/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, 157, 158, 165, 166, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 122, 123, 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 Luật Đất đai;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 16 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Văn B** và bà **Võ Kim C**.

2. Tuyên bố vô hiệu giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông **Trần Văn B**, bà **Võ Kim C** với bà **Nguyễn Thị N** (Tờ giao kèo cầm cố đất do bà **Nguyễn Thị N** ký ngày 12/3/2017 al).

3. Buộc bà **Nguyễn Thị N** trả cho ông **Trần Văn B** và bà **Võ Kim C** 30 (Ba mươi) chỉ vàng 24 (Hai mươi bốn) kara.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Trần Văn B** và bà **Võ Kim C** không phải chịu án phí, ông **B** và bà **C** đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu 0001204 ngày 07/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh **C** được hoàn lại toàn bộ.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà **Nguyễn Thị N**.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông **B**, bà **C** không phải chịu án phí, ông **B**, bà **C** đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001570 ngày 09/02/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh **C**, được hoàn lại toàn bộ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Tòa PT TATC tại Tp. HCM (01 bản);

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Cà Mau (01 bản);
- TAND Khu vực 3 – Cà Mau (01 bản);
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cà Mau (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

Châu Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hà Nguyễn A Đam Châu Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn A Đàm Bùi Anh Tuấn Châu Minh Nguyệt